

Chương III

CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

Khái niệm “Chủ nghĩa duy vật lịch sử”

Chủ nghĩa duy vật lịch sử là hệ thống quan điểm duy vật biện chứng về xã hội; là kết quả sự vận dụng thể giới quan duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật vào việc nghiên cứu đời sống xã hội và lịch sử nhân loại.

I.
VAI TRÒ CỦA SẢN XUẤT VẬT CHẤT
VÀ QUY LUẬT QUAN HỆ SẢN XUẤT
PHÙ HỢP VỚI
TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN
CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó

a. Sản xuất vật chất và phương thức sản xuất

Sản xuất xã hội là một loại hình hoạt động đặc trưng của con người.

Sản xuất xã hội bao gồm 3 quá trình:

1. Sản xuất vật chất.
2. Sản xuất tinh thần.
3. Sản xuất ra bản thân con người.

SXVC là quá trình con người sử dụng những công cụ lao động tác động và tự nhiên, cải biến các dạng vật chất của giới tự nhiên nhằm tạo ra những sản phẩm thỏa mãn nhu cầu tồn tại và phát triển của mình.

- Phương thức sản xuất là những cách thức mà con người sử dụng để tiến hành qua trình sản xuất của xã hội ở những giai đoạn lịch sử nhất định

b. Vai trò của SXVC và PTSX đối với sự tồn tại, phát triển của xã hội

- SXVC là nhân tố quyết định sự sinh tồn và phát triển của con người và xã hội loài người.
- PTSX giữ vai trò quyết định đối với trình độ phát triển của sản xuất xã hội và quyết định trình độ phát triển của bản thân xã hội.

2. Quy luật QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX

Bất kỳ một PTSX nào cũng gồm 2 yếu tố:

1. Lực lượng sản xuất.
2. Quan hệ sản xuất.

a. LLSX và QHSX

* LLSX là toàn bộ những yếu tố vật chất tham gia vào quá trình sản xuất vật chất.

LLSX biểu hiện mối quan hệ của con người với giới tự nhiên trong quá trình sản xuất vật chất.

Lực lượng sản xuất gồm : Người lao động và tư liệu sản xuất.

- 📁 Người lao động giữ vai trò quyết định (là chủ thể của quá trình SX)
- 📁 Trong TLSX, công cụ lao động giữ vai trò quan trọng (quyết định năng suất lao động và phản ánh sự phát triển của LLSX)

* Quan hệ sản xuất

Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất vật chất.

QHSX gồm:

- Quan hệ sở hữu TLSX.
- Quan hệ quản lý và phân công lao động.
- Quan hệ phân phối sản phẩm.

Trong 3 quan hệ trên thì quan hệ sở hữu TLSX giữ vai trò quyết định đối với 2 quan hệ còn lại.

b. Mối quan hệ biện chứng giữa LLSX và QHSX

- **Mối quan hệ giữa LLSX và QHSX là mối quan hệ thống nhất biện chứng trong đó LLSX quyết định QHSX và QHSX tác động trở lại LLSX. Tính quyết định của LLSX thể hiện:**
 - + **LLSX ở trình độ nào thì QHSX ở trình độ ấy**
 - + **Khi LLSX thay đổi thì sớm hay muộn QHSX cũng đổi theo.**

QHSX tác động trở lại LLSX

- Nếu QHSX phù hợp **p** với trình độ của LLSX thì nó sẽ thúc đẩy **y** LLSX phát triển, thúc đẩy sản xuất phát triển, thúc đẩy xã hội phát triển.
- Nếu QHSX không phù hợp **p** với trình độ của LLSX thì nó sẽ kìm hãm **m** sự phát triển của LLSX, kìm hãm sự phát triển của sản xuất, kìm hãm sự phát triển của xã hội.

📖 Mỗi quan hệ giữa LLSX và QHSX thống nhất có bao hàm khả năng chuyển hóa thành mặt đối lập và phát sinh mâu thuẫn.

+ Các yếu tố của LLSX đều vận động, biến đổi theo hướng phát triển.

+ QHSX có khuynh hướng bảo thủ, chậm biến đổi

Tạo nên mặt đối lập, phát sinh mâu thuẫn.

II.

BIỆN CHỨNG CỦA CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ KIẾN TRÚC THƯỢNG TẦNG

1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

- CSHT là toàn bộ những QHSX tạo thành cơ cấu kinh tế của xã hội.

Toàn bộ những QHSX gồm 3 loại QHSX:

1. QHSX thống trị.
2. QHSX tàn dư.
3. QHSX mầm mống.

 KTTT là toàn bộ quan điểm chính trị, pháp quyền, đạo đức, triết học, nghệ thuật, tôn giáo... cùng với những thiết chế tương ứng được hình thành trên cơ sở hạ tầng nhất định

- + KTTT là một kế cấu phức tạp: Hệ thống các quan điểm và các thiết chế tương ứng.
- + Trong KTTT chính đảng và nhà nước là 2 thiết chế, tổ chức quan trọng.

2. Quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

a. CSHT quyết định KTTT

Vai trò quyết định của CSHT đối với KTTT thể hiện:

- CSHT sản sinh ra KTTT, quyết định tính chất của KTTT.
- Khi CSHT thay đổi thì KTTT sớm muộn cũng phải thay đổi theo.

b. KTTT tác động trở lại CSHT

Sự tác động trở lại của KTTT đối với CSHT
biểu hiện:

KTTT luôn duy trì, củng cố và bảo vệ QHSX
thống trị, tức là bảo vệ QHSX đã sản sinh ra nó;
đồng thời nó khống chế những gì có ảnh hưởng
xấu đến QHSX thống trị

III.

TỒN TẠI XÃ HỘI QUYẾT ĐỊNH Ý THỨC XÃ HỘI VÀ TÍNH ĐỘC LẬP TƯƠNG ĐỐI CỦA Ý THỨC XÃ HỘI

1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

a. Khái niệm

- TTXH là toàn bộ những điều kiện vật chất và những sinh hoạt vật chất của xã hội.

TTXH biểu hiện qua 3 yếu tố cơ bản:

1. Điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh địa lý.
2. Dân cư.
3. Phương thức sản xuất.

- YTXH là toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội, phản ánh TTXH.

Xét theo lĩnh vực phản ánh, YTXH biểu hiện qua:

Ý thức chính trị, ý thức pháp quyền, ý thức thẩm mỹ, ý thức đạo đức, ý thức tôn giáo, ý thức khoa học, v.v.

Xét theo cấp độ, YTXH biểu hiện qua:

- Ý thức thông thường, ý thức lý luận.
- Tâm lý xã hội, hệ tư tưởng.

b. Vai trò quyết định của TTXH đối với YTXH

YTXH phản ánh TTXH nên:

- TTXH quyết định nội dung, quyết định hình thức biểu hiện của YTXH.
- Khi TTXH thay đổi thì YTXH cũng phải thay đổi theo.

2. Tính độc lập tương đối của **YTXH**

- 1). YTXH thường lạc hậu hơn so với **TTXH**.
- 2). YTXH có thể vượt trước **TTXH**.
- 3). YTXH có tính kế thừa trong sự phát triển của **mình**.
- 4). Các hình thái của YTXH tác động qua lại lẫn nhau trong quá trình phát triển.
- 5). YTXH có thể tác động trở lại **TTXH** thông qua hoạt động của con người.

IV.

HÌNH THÁI KINH TẾ – XÃ HỘI VÀ QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ – TỰ NHIÊN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THÁI KINH TẾ – XÃ HỘI

1. Phạm trù hình thái kinh tế – xã hội

Hình thái KT-XH là một XH trọn vẹn trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể, có những QHSX bị trình độ của LLSX quy định, những QHSX này tạo nên cơ cấu kinh tế (tức CSHT) của XH, và trên những QHSX ấy được dựng lên một KTTT.

2. Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế – xã hội

- 📖 Sự vận động và phát triển của xã hội không tuân theo ý chí chủ quan của con người mà tuân theo các quy luật khách quan,
- 📖 Nguồn gốc của mọi sự vận động, phát triển xã hội suy cho cùng đều xuất phát từ sự phát triển của LLSX xã hội.

3. Giá trị khoa học của lý luận HTKT-XH

1. Muốn giải thích đúng đắn các hiện tượng xã hội trước hết phải xuất phát từ nền sản xuất của xã hội, phải nghiên cứu các quy luật vận động và phát triển của xã hội.
2. Muốn XH phát triển, trước hết phải đầu tư vào sự phát triển của LLSX, phải từng bước hoàn thiện QHSX và hoàn thiện KTTT.

3. V.v

V.

**VAI TRÒ CỦA ĐẤU TRANH GIAI CẤP
VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI
SỰ VẬN ĐỘNG, PHÁT TRIỂN
CỦA XÃ HỘI CÓ ĐỐI KHÁNG GIAI CẤP**

1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp

a. Khái niệm giai cấp

Giai cấp là những tập đoàn người, mà tập đoàn này có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác, do chỗ các tập đoàn có địa vị khác nhau trong một chế độ kinh tế xã hội nhất định.

Giai cấp nào nắm được tư liệu sản xuất chủ yếu trong xã hội thì có khả năng trở thành giai cấp thống trị xã hội.

Khái niệm tầng lớp xã hội

Khái niệm được sử dụng để chỉ sự phân tầng, phân lớp, phân nhóm giữa những con người trong cùng một giai cấp theo địa vị và sự khác biệt cụ thể của họ trong giai cấp đó.

Những nhóm người ngoài kết cấu giai cấp trong một xã hội nhất định.

b. Nguồn gốc giai cấp

Nguồn gốc trực tiếp: sự ra đời và tồn tại của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.

Nguồn gốc sâu xa: Tình trạng phát triển nhưng chưa đạt đến trình độ xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất.

Quá trình hình thành và phát triển giai cấp diễn ra do sự tác động của nhân tố bạo lực và sự tác động của qui luật kinh tế.

c. Vai trò của đấu tranh GC đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng GC

Đấu tranh GC: Cuộc đấu tranh của những người lao động làm thuê, những người nô lệ, bị áp bức về chính trị - xã hội và bị bóc lột về kinh tế chống lại sự áp bức và bóc lột

Đấu tranh GC có thể được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, phạm vi và trình độ khác nhau.

Kết quả của đấu tranh giai cấp

- Sự ra đời và tồn tại của nhà nước là kết quả của cuộc đấu tranh GC trong xã hội có đối kháng GC.
- + Sự ra đời và tồn tại của NN không phải để giải quyết mâu thuẫn mà để duy trì trật tự XH trong điều kiện mâu thuẫn không thể giải quyết được.
- + NN là công cụ bạo lực có tổ chức nhằm khống chế cuộc đấu tranh GC của GC những người lao động.

- Đấu tranh GC là một trong những phương thức, động lực của sự tiến bộ, phát triển XH trong điều kiện XH có sự phân hóa thành đối kháng GC.
- * Kết quả cuối cùng của đấu tranh GC là sự ra đời của PTSX mới thông qua đỉnh cao của nó là các cuộc cách mạng XH.

2.Cách mạng XH và vai trò của nó đối với sự phát triển của XH có đối kháng GC

a. Khái niệm cách mạng XH và nguyên nhân

CM XH là sự biến đổi có tính bước ngoặt và căn bản về chất trong toàn bộ các lĩnh vực của đời sống XH, là phương thức chuyển từ một HT KT – XH lỗi thời lên một HT KT – XH mới ở trình độ phát triển cao hơn.

Cuộc CM nào cũng phải trải qua hai giai đoạn:

- + Giai đoạn giành chính quyền
- + Giai đoạn tổ chức xây dựng chính quyền mới, xây dựng xã hội mới.

Nguyên nhân CM:

- + Khách quan: Mâu thuẫn giữa LLSX và QHSX
- + Chủ quan: Sự phát triển của GC CM (Nhận thức, tổ chức, phong trào CM, thời cơ CM...)

b. Vai trò của CM XH đối với sự phát triển của XH có đối kháng GC

CM XH là một trong những phương thức, động lực của sự phát triển XH

- + Là phương thức thực hiện sự phát triển của HT KT – XH
- + Giải quyết triệt để các mâu thuẫn cơ bản của đời sống XH, tạo động lực cho sự tiến bộ và phát triển của XH.
- + Năng lực sáng tạo của quần chúng được phát huy cao độ, sáng tạo ra lịch sử mới.

VI.

**QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ
VỀ CON NGƯỜI
VÀ VAI TRÒ SÁNG TẠO LỊCH SỬ
CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN**

1. Con người và bản chất con người

a. Khái niệm con người

Con người là một **thực thể tự nhiên** mang **đặc tính xã hội**; có sự thống nhất biện chứng giữa hai phương diện tự nhiên và xã hội.

Bản tính tự nhiên là một trong những **phương diện cơ bản** của con người:

- + Con người là kết quả của quá trình tiến hóa và phát triển lâu dài của giới tự nhiên.
- + Con người là bộ phận của giới tự nhiên đồng thời giới tự nhiên cũng là thân thể vô cơ của con người.

Bản tính xã hội là **bản tính đặc thù** của con người:

- + Nguồn gốc hình thành con người ngoài nguồn gốc tự nhiên còn có nguồn gốc xã hội mà cơ bản nhất là nhân tố lao động.
- + Sự tồn tại và phát triển của con người, loài người luôn bị chi phối bởi các nhân tố xã hội và các quy luật xã hội.
- * Phương diện tự nhiên và xã hội của con người tồn tại trong tính thống nhất, quy định, tác động, biến đổi lẫn nhau.

b. Bản chất của con người

Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong **tính hiện thực** của nó, bản chất con người là **tổng hòa những quan hệ xã hội**

2. Khái niệm quần chúng nhân và vai trò sáng tạo ra lịch sử của quần chúng nhân dân

a. Khái niệm quần chúng nhân dân

Cộng đồng xã hội có tổ chức nhằm giải quyết các nhiệm vụ lịch sử trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa của xã hội.

Quần chúng nhân dân bao gồm:

- + Những người lao động sản xuất ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần.
- + Bộ phận dân cư chống lại giai cấp thống trị, áp bức, bóc lột.
- + Giai cấp, tầng lớp XH thúc đẩy sự tiến bộ XH.

b. Vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và vai trò của cá nhân trong lịch sử

Quần chúng nhân dân là **chủ thể** sáng tạo chân chính ra lịch sử, lực lượng quyết định sự phát triển của lịch sử.

Vai trò chủ thể sáng tạo ra lịch sử, quyết định tiến trình phát triển lịch sử của quần chúng nhân dân thể hiện :

- Là lực lượng sản xuất cơ bản của mọi xã hội.
- Là lực lượng trực tiếp hay gián tiếp sáng tạo ra các giá trị tinh thần của xã hội.
- Là lực lượng và động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng và các cuộc cải cách trong lịch sử.

Vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân không thể tách rời vai trò cụ thể của mỗi cá nhân, đặc biệt là vai trò của các cá nhân ở vị trí thủ lĩnh, lãnh tụ hay ở tầm vĩ nhân của cộng đồng nhân dân.

Cá nhân là mỗi con người cụ thể sống trong một cộng đồng xã hội nhất định, phân biệt với những con người khác qua tính đơn nhất và tính phổ biến của nó.

Vĩ nhân là những cá nhân kiệt xuất trong các lĩnh vực xã hội.

Lãnh tụ là những cá nhân kiệt xuất do phong trào của quần chúng nhân dân tạo nên và gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân.

Lãnh tụ là người có những phẩm chất cơ bản sau đây:

- + Có tri thức khoa học uyên bác, nắm bắt được xu thế vận động, phát triển của lịch sử
- + Có năng lực tập hợp quần chúng nhân dân giải quyết nhiệm vụ lịch sử, thúc đẩy sự tiến bộ và phát triển của lịch sử
- + Gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân, hy sinh vì lợi ích của quần chúng nhân dân.

KIỂM TRA GIỮA KỲ

Thời gian làm bài: 60 phút

Câu 1: Quan điểm toàn diện ra đời trên cơ sở lý luận nào ? Hãy phân tích một ví dụ dựa trên quan điểm toàn diện.

Câu 2: Tồn tại xã hội là gì ? Yếu tố nào quan trọng trong tồn tại xã hội ? Vì sao ? Hãy cho ví dụ chứng minh tính quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội.